|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH LÀO CAI** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND |  | *Lào Cai, ngày tháng năm 2023* |

**(Dự thảo )**

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung Chương I và Chương II của quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai vàNghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung chương III vào Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-202*5.***

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**KHÓA XVI- KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường Trung học phổ thông Chuyên;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025;Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày / /2023 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung Chương I và Chương II của quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai** **vàNghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai bổ sung chương III vào Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-202*5.***

"CHƯƠNG I

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 1 như sau:

c) Học sinh có bố mẹ thường trú tại thôn, xã khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Chính phủ"."

CHƯƠNG II

HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN SỮA; HỖ TRỢ GIÁO VIÊN QUẢN LÝ HỌC SINH VÀ CẤP DƯỠNG NẤU ĂN CHO HỌC SINH THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI THEO QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"**Điều 10. Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú**

1. Đối tượng được hỗ trợ:

Học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, học sinh học văn hóa tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp dạy nghề và Giáo dục thường xuyên tỉnh, trường Cao đẳng Lào Cai thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Chính phủ (trừ học sinh được hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn).

2. Điều kiện được hỗ trợ:

Học sinh do nhà ở xa trường khoảng cách từ 04 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km đối với học sinh Trung học phổ thông hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày phải ở bán trú.

3. Mức hỗ trợ tiền ăn bằng 20% mức lương cơ sở/học sinh/tháng và được hưởng không quá 09 tháng/năm học"

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“**Điều 11. Hỗ trợ tiền ăn trưa và tiền sữa học đường cho trẻ em từ 24 tháng trong các trường mầm non công lập**

1. Đối tượng được hỗ trợ:

a) Trẻ em từ 24 tháng trở lên trong các trường mầm non công lập (trừ các đối tượng đã được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non) mà bản thân, bố, mẹ thường trú tại xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ tiền ăn trưa bằng 160.000 đồng/trẻ em/tháng, hỗ trợ tiền sữa học đường 90.000 đồng/trẻ em/tháng và được hưởng theo số tháng thực tế nhưng không quá 09 tháng/năm học”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 khoản 2, Điều 12"

**"Điều 12. Hỗ trợ giáo viên trực tiếp quản lý học sinh bán trú**

1. Đối tượng được hỗ trợ: Cán bộ, giáo viên, nhân viên thuộc biên chế của trường kiêm nhiệm quản lý học sinh bán trú (trừ cán bộ, giáo viên trường phổ thông dân tộc bán trú).

2. Định suất hỗ trợ: Trường có dưới 100 học sinh bán trú được bố trí 01 định suất; cứ tăng 10 học sinh bán trú trở lên thì được tính thêm 0,1 định suất.

3. Mức hỗ trợ bằng 200% mức lương cơ sở/tháng/định suất và được hưởng không quá 09 tháng/năm học".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 khoản 2, Điều 13

**"Điều 13. Hỗ trợ cấp dưỡng nấu ăn cho trẻ mầm non và học sinh bán trú**

1. Đối tượng áp dụng: Các trường Mầm non ở các xã khu vực III tổ chức nấu ăn tập trung cho trẻ mầm non; các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp dạy nghề và Giáo dục thường xuyên tỉnh, trường Cao đẳng Lào Cai có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai (trừ trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông đã được hỗ trợ cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; các cơ sở giáo dục mầm non đã được hỗ trợ cấp dưỡng Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non).

2. Định mức hỗ trợ:

a) Đối với các trường mầm non: Mức hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non được tính trên số lượng trẻ em được ăn bán trú tối thiểu 2.400.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên hoặc các cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm cả điểm trường) có từ 20 trẻ em đến dưới 45 trẻ em được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng.

b) Đối với các trường phổ thông có học sinh bán trú: Cứ 40 học sinh bán trú ăn tại trường thì nhà trường được hỗ trợ 01 định suất cấp dưỡng. Trường hợp dư từ 30 học sinh trở lên (tức 75% định suất) hoặc trường học có từ 30 học sinh đến dưới 40 học sinh thì được tính tròn một định suất.

3. Mức hỗ trợ bằng 150% mức lương cơ sở/tháng/định suất và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

c) Bổ sung khoản 4

4. Nguyên tắc hỗ trợ cấp dưỡng nấu ăn cho trẻ mầm non: Mức hỗ trợ cấp dưỡng nấu ăn cho trẻ em mầm non là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách. Tùy khả năng cân đối nguồn kinh phí tự chủ được giao cho đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể bổ sung thêm mức hỗ trợ để đảm bảo hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ cấp dưỡng cho các trường mầm non theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Bãi bỏ Điều 14, Chương II Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-202*5* vàNghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung chương III vào Quy định các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-202*5.*

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023./.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - UBTV Quốc hội, Chính Phủ;  - Bộ Tài Chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;  - Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;  - Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;  - TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Các đại biểu HĐND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;  - TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Văn phòng TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Báo, Đài PT-TH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;  - Phòng Tổng hợp;  - Lưu: VT, TH. | **CHỦ TỊCH**  **Vũ Xuân Cường** | | |  |
|  |  |
|  |